

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thuận**.

2. Ông **La Thanh Hiền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Hoàng Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Minh V**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, tổ Y, ấp Đ, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số K, tổ G, đường Q, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số K, tổ G, đường Q, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Minh V trình bày:**

Ông V có cho vợ chồng ông T, bà C vay tổng cộng 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng) để làm vốn mua bán phụ tùng xe cũ, cụ thể như sau:

- Ngày 11/4/2018 âm lịch cho vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);
- Ngày 01/7/2018 âm lịch cho vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- Ngày 26/8/2018 âm lịch cho vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);
- Ngày 02/10/2018 âm lịch cho vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Trong các lần vay tiền, ông T đều tự viết và ký tên vào các “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/4/2018 âm lịch, ngày 01/7/2018 âm lịch, ngày 26/8/2018 âm lịch, ngày 02/10/2018 âm lịch, còn bà C (vợ ông T) có ký tên vào các “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/7/2018 âm lịch và ngày 02/10/2018 âm lịch.

Khi vay, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 4%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Từ ngày vay đến nay, vợ chồng ông T, bà C không có trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho ông V. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn ông Lê Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông V cho vợ chồng ông T, bà C vay tiền 04 lần tổng cộng là 95.000.000 đồng, có giấy nợ, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, không có thế chấp tài sản. Từ ngày vay đến nay, ông T và bà C chưa trả vốn và lãi nên ông V khởi kiện. Nhận thấy yêu cầu của ông V là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, ông Huỳnh Minh V chỉ yêu cầu ông Lê Quốc T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 95.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V cung cấp chứng cứ là các “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/7/2018 âm lịch và ngày 02/10/2018 âm lịch do bà Nguyễn Thị C là vợ ông T ký tên và ông V yêu cầu vợ chồng ông T, bà C cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 95.000.000 đồng, do đó bà C được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà C là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông V cho vợ chồng ông T, bà C vay tổng cộng 95.000.000 đồng vào các ngày 11/4/2018 âm lịch, ngày 01/7/2018 âm lịch, ngày 26/8/2018 âm lịch, ngày 02/10/2018 âm lịch, có thỏa thuận lãi suất vay là 4%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng nhưng ông T, bà C không có trả tiền lãi và tiền gốc nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Huỳnh Minh V yêu cầu ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị C trả số tiền 95.000.000 đồng thấy rằng:

Các chứng cứ do ông V cung cấp là bản chính bốn “Giấy mượn tiền” có nội dung thể hiện ông T và bà C có vay tiền của ông V tổng cộng là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), cụ thể: Ngày 11/4/2018 âm lịch, ông T vay 15.000.000 đồng; ngày 01/7/2018 âm lịch, ông T và bà C vay 30.000.000 đồng; ngày 26/8/2018 âm lịch, ông T vay 40.000.000 đồng; ngày 02/10/2018 âm lịch, ông T và bà C vay 10.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa ông V với ông T, bà C là có thật. Mặt khác, ông T và bà C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông bà vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều này cho thấy ông bà đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông V.

Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, ông V cho rằng ông T, bà C vay tiền để làm vốn mua bán phụ tùng xe cũ và bà C đều biết các khoản vay nên ông V yêu cầu ông T, bà C cùng có nghĩa vụ trả tiền cho ông. Thấy rằng lời trình bày của ông V là có căn cứ, bởi lẽ bà C và ông T là vợ chồng, tuy bà C không ký tên vào tất cả bốn “Giấy mượn tiền” nhưng bà có ký tên vào “Giấy mượn tiền” ngày 01/7/2018 âm lịch và ngày 02/10/2018 âm lịch, điều này chứng tỏ bà C và ông T cùng có thỏa thuận giao dịch vay tiền với ông V nên ông bà phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông V là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông T và bà C, buộc ông T và bà C có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng). Ông V không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Ông T và bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là $95.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.750.000 \text{ đồng}$.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh V đối với ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị C.

Buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Minh V số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận ông Huỳnh Minh V không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị C phải chịu 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Huỳnh Minh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.375.000 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012684 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho ông Huỳnh Minh V biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**